

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP.HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 31795
Ngày: 15/8/19
Chuyển: NTN
Lưu hồ sơ số:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 36
8. Phụ lục	37 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 6 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SPM.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 37 507 496
- Fax : (84-28) 38 771 010

Công ty có Văn phòng đại diện tại C4 – C8 Bửu Long, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm, bán buôn thực phẩm chức năng;
- Sản xuất dược phẩm;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, văn phòng, dịch vụ cho thuê kho, kinh doanh nhà;
- Sản xuất thực phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn sắt, thép.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ông Huỳnh Phú Hải	Phó Chủ tịch	Ngày 26 tháng 6 năm 2015
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ông Đào Hữu Khôi	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Thành viên	Ngày 26 tháng 6 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Ngô Quốc Dũng	Trưởng ban	Ngày 29 tháng 11 năm 2013
Bà Ôn Ngọc Lan	Thành viên	Ngày 10 tháng 12 năm 2002
Ông Dương Nguyễn Trường Huy	Thành viên	Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 12 năm 2002
Ông Huỳnh Phú Hải	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 10 năm 2007
Ông Văn Tất Chiến	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 6 năm 2007

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Kỳ - Tổng Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

0449815
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
OÁN VÀ TƯ
& C
T.P.HỒC

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2019



Số: 1.1167/19/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C




Nguyễn Minh Trí
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		801.214.706.704	667.286.041.604
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.612.318.137	766.192.679
1. Tiền	111		1.612.318.137	766.192.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		775.481.649.347	638.593.677.265
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	606.227.371.685	495.946.361.546
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	93.746.424.517	51.239.503.661
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	61.601.092.027	71.157.915.269
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	87.055.416.441	84.283.552.112
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(73.148.655.323)	(64.033.655.323)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	23.868.118.733	27.618.112.308
1. Hàng tồn kho	141		25.500.797.746	29.179.803.491
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.632.679.013)	(1.561.691.183)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		252.620.487	308.059.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	252.620.487	269.098.016
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	38.961.336
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		204.920.445.271	305.594.848.153
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		84.552.328.988	186.563.652.298
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	49.552.328.988	151.563.652.298
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	35.000.000.000	35.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		63.555.282.994	66.525.825.945
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	58.077.316.194	60.924.426.125
- Nguyên giá	222		224.835.567.576	224.422.117.076
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(166.758.251.382)	(163.497.690.951)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.477.966.800	5.601.399.820
- Nguyên giá	228		8.603.940.878	8.603.940.878
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.125.974.078)	(3.002.541.058)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.739.145.856	41.076.505.786
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	45.739.145.856	41.076.505.786
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.504.000.000	9.504.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	9.504.000.000	9.504.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.569.687.433	1.924.864.124
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.337.350.727	1.687.698.533
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	232.336.706	237.165.591
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.006.135.151.975	972.880.889.757

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		254.986.826.929	224.607.501.076
I. Nợ ngắn hạn	310		241.698.912.909	212.736.936.776
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	17.624.186.299	12.810.163.301
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.551.591.746	4.627.203.737
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.503.075.676	745.373.482
4. Phải trả người lao động	314	V.17	1.794.286.826	3.173.573.226
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	372.038.636	278.709.908
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	24.745.594.957	38.413.981.878
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	192.108.138.769	152.687.931.244
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		13.287.914.020	11.870.564.300
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	13.287.914.020	11.870.564.300
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

315-C
 TY
 HỮU HẠN
 TƯ VẤN
 C
 CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		751.148.325.046	748.273.388.681
I. Vốn chủ sở hữu	410		751.148.325.046	748.273.388.681
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	140.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140.000.000.000	140.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	210.885.368.500	210.885.368.500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21	(10.036.370.000)	(10.036.370.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	410.299.326.546	407.424.390.181
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		407.424.390.181	407.424.390.181
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.874.936.365	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.006.135.151.975	972.880.889.757

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



Võ Thành Nhân
Người lập



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	257.105.020.813	207.699.268.275
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	31.259.542.581	26.560.418.359
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		225.845.478.232	181.138.849.916
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	178.415.853.054	134.261.744.865
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.429.625.178	46.877.105.051
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	24.975.910	1.226.504.327
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	5.762.771.405	4.500.966.734
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.730.800.309	4.314.038.319
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	22.733.695.519	25.493.178.435
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	14.796.699.738	14.145.556.426
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.161.434.426	3.963.907.783
11. Thu nhập khác	31	VI.8	919.904	444.772.033
12. Chi phí khác	32	VI.9	176.152.362	424.799.986
13. Lợi nhuận khác	40		(175.232.458)	19.972.047
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.986.201.968	3.983.879.830
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	1.106.436.718	655.851.066
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	4.828.885	107.301.536
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.874.936.365</u>	<u>3.220.727.228</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>209</u>	<u>234</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>209</u>	<u>234</u>



Võ Thành Nhân
Người lập



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.986.201.968	3.983.879.830
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	3.383.993.451	6.555.226.224
- Các khoản dự phòng	03	V.6; V.7	9.185.987.830	5.467.941.944
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(17.808.702)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(1.201.767.151)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	5.730.800.309	4.314.038.319
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22.286.983.558	19.101.510.464
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.842.514.168)	(17.577.810.009)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.679.005.745	14.997.985.104
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.751.162.741	(13.187.251.312)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		366.825.335	(1.891.564.575)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18; VI.5	(5.721.199.981)	(4.336.868.112)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(506.912.429)	(1.353.913.224)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(26.986.649.199)	(4.247.911.664)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.11; VII	(8.743.087.080)	(4.760.176.381)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.4	9.556.823.242	1.044.260.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		813.736.162	(3.715.916.381)

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	211.184.665.495	159.054.836.008
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(170.347.108.250)	(154.029.665.240)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, V.21a	(13.818.518.750)	(64.356.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		27.019.038.495	4.960.814.768
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		846.125.458	(3.003.013.277)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	766.192.679	5.350.615.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	17.808.702
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.612.318.137	2.365.411.102

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc

Võ Thành Nhân
Người lập

Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán dược phẩm và cho thuê tài sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 249 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 234 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

19815.
G TY
M HỮU H
VÀ TƯ V
C
PHỔ C

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 01 năm đến 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03-04 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	363.223.625	52.322.028
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.249.094.512	713.870.651
Cộng	<u>1.612.318.137</u>	<u>766.192.679</u>

2. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>584.009.438.724</i>	<i>477.713.548.859</i>
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành	584.009.438.724	477.713.548.859
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>22.217.932.961</i>	<i>18.232.812.687</i>
Cộng	<u>606.227.371.685</u>	<u>495.946.361.546</u>

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu bên liên quan Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Chế tạo máy CIE	-	2.975.680.000
KHS Synchemica Corp (Taiwan)	11.691.569.892	6.418.955.892
Công ty Rudofl Lietz, Inc (Philippines)	8.383.200.000	6.988.500.000
Specialty Ingredient Management LLC (USA)	12.571.976.500	9.706.811.500
Francochia	9.555.000	5.231.250.000
Bioceuticals Pte. Ltd.	6.573.670.000	5.523.405.000
Các nhà cung cấp khác	54.516.453.125	14.394.901.269
Cộng	<u>93.746.424.517</u>	<u>51.239.503.661</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<i>24.601.092.027</i>	<i>34.157.915.269</i>
Cho Ông Đào Hữu Hoàng vay	24.601.092.027	34.157.915.269
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	<i>37.000.000.000</i>	<i>37.000.000.000</i>
Cho Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V vay	37.000.000.000	37.000.000.000
Cộng	<u>61.601.092.027</u>	<u>71.157.915.269</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	36.743.749.214	-	36.743.749.214	-
Ông Đào Hữu Hoàng - lãi cho vay	36.743.749.214	-	36.743.749.214	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	50.311.667.227 (22.787.500.000)		47.539.802.898 (13.672.500.000)	
Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V - lãi cho vay	31.370.000.000 (15.685.000.000)		31.370.000.000 (9.411.000.000)	
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia - tiền chuyển nhượng cổ phiếu	14.205.000.000 (7.102.500.000)		14.205.000.000 (4.261.500.000)	
Tạm ứng	3.843.730.242	-	947.383.470	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	892.936.985	-	1.017.419.428	-
Cộng	87.055.416.441 (22.787.500.000)		84.283.552.112 (13.672.500.000)	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - góp vốn thực hiện dự án mỏ đá xây dựng tại tỉnh Hà Tĩnh	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - góp vốn thực hiện dự án mỏ đá hoa trắng tại tỉnh Yên Bái	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Cộng	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-

Theo Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành, Công ty sẽ được chia lợi nhuận từ các dự án này. Tuy nhiên đến nay các dự án này vẫn chưa được triển khai.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V- thu tiền cho vay	Trên 03 năm	37.000.000.000	-	Trên 03 năm	37.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V- tiền lãi cho vay	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	31.370.000.000	15.685.000.000	Dưới 01 năm	31.370.000.000	21.959.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị - tiền bán hàng hóa, thành phẩm	Trên 03 năm	11.453.833.744	-	Trên 03 năm	11.453.833.744	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia - tiền chuyển nhượng cổ phiếu	Từ 01 năm đến dưới 02 năm	14.205.000.000	7.102.500.000	Dưới 01 năm	14.205.000.000	9.943.500.000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	1.907.321.579	-	Trên 03 năm	1.907.321.579	-
Cộng		95.936.155.323	22.787.500.000		95.936.155.323	31.902.500.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	64.033.655.323	50.896.000.627
Trích lập dự phòng bổ sung	9.115.000.000	6.301.404.696
Số cuối kỳ	73.148.655.323	57.197.405.323

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	138.324.165	-	1.930.131.450	-
Nguyên liệu, vật liệu	16.968.116.029	(1.510.318.343)	17.796.017.493	(1.561.691.183)
Công cụ, dụng cụ	90.334.578	-	149.414.551	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.775.381.028	-	5.066.902.152	-
Thành phẩm	2.528.641.946	(122.360.670)	4.236.657.845	-
Hàng hóa	-	-	680.000	-
Cộng	25.500.797.746	(1.632.679.013)	29.179.803.491	(1.561.691.183)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng không có khả năng tiêu thụ như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.510.318.343	1.561.691.183
Thành phẩm	122.360.670	-
Cộng	1.632.679.013	1.561.691.183

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.561.691.183	1.389.515.798
Trích lập dự phòng bổ sung	70.987.830	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(833.462.752)
Số cuối kỳ	1.632.679.013	556.053.046

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	113.697.422	55.960.604
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	138.923.065	213.137.412
Cộng	<u>252.620.487</u>	<u>269.098.016</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	676.923.016	877.014.850
Chi phí sửa chữa	660.427.711	810.683.683
Cộng	<u>1.337.350.727</u>	<u>1.687.698.533</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	77.775.111.894	140.833.972.351	4.773.340.491	1.039.692.340	224.422.117.076
Mua trong kỳ	-	413.450.500	-	-	413.450.500
Số cuối kỳ	<u>77.775.111.894</u>	<u>141.247.422.851</u>	<u>4.773.340.491</u>	<u>1.039.692.340</u>	<u>224.835.567.576</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.150.789.069	117.816.819.491	323.060.217	1.039.692.340	122.330.361.117
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	33.165.117.008	126.962.938.889	2.329.942.714	1.039.692.340	163.497.690.951
Khấu hao trong kỳ	1.512.904.404	1.477.600.773	270.055.254	-	3.260.560.431
Số cuối kỳ	<u>34.678.021.412</u>	<u>128.440.539.662</u>	<u>2.599.997.968</u>	<u>1.039.692.340</u>	<u>166.758.251.382</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	44.609.994.886	13.871.033.462	2.443.397.777	-	60.924.426.125
Số cuối kỳ	<u>43.097.090.482</u>	<u>12.806.883.189</u>	<u>2.173.342.523</u>	<u>-</u>	<u>58.077.316.194</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 6.244.596.475 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.302.609.778	301.331.100	8.603.940.878
Số cuối kỳ	8.302.609.778	301.331.100	8.603.940.878
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	131.331.100	131.331.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.814.543.294	187.997.764	3.002.541.058
Khấu hao trong kỳ	95.099.688	28.333.332	123.433.020
Số cuối kỳ	2.909.642.982	216.331.096	3.125.974.078
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.488.066.484	113.333.336	5.601.399.820
Số cuối kỳ	5.392.966.796	85.000.004	5.477.966.800
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.20).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	30.381.878.029	2.572.549.670	32.954.427.699
Xây dựng cơ bản dở dang	10.694.627.757	2.090.090.400	12.784.718.157
- Công trình bệnh viện sản phụ khoa Phú Thọ	60.000.000	-	60.000.000
- Phần mềm Sthink teamwork	89.400.000	-	89.400.000
- Công trình xưởng thuốc tiêm	9.119.599.369	2.090.090.400	11.209.689.769
- Công trình xưởng thực phẩm chức năng	178.996.888	-	178.996.888
- Công trình hệ thống lọc nước và thang máy	1.246.631.500	-	1.246.631.500
Cộng	41.076.505.786	4.662.640.070	45.739.145.856

Một số chi phí mua sắm tài sản cố định hình thành trong tương lai đang dở dang có giá trị là 5.082.010.907 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	6.750.000.000	-	-	6.750.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Đà Nẵng	2.754.000.000	-	3.902.505.950	2.754.000.000	-	3.139.620.750
Cộng	9.504.000.000	-	-	9.504.000.000	-	-

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	237.165.591	303.333.219
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(4.828.885)	(107.301.536)
Số cuối kỳ	232.336.706	196.031.683

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với hoạt động ưu đãi là 15% và được giảm 50%, đối với các hoạt động khác là 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Các nhà cung cấp trong và ngoài nước.

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
KKC Corporation Co., Ltd.	-	1.147.870.995
Công ty Cổ phần Samedco	-	1.964.182.037
Công ty TNHH Hóa chất Dược phẩm Châu Ngọc	732.210.572	671.540.740
Sandar Myaing Co., Ltd.	416.210.405	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VIMEDIMEX	403.986.745	403.986.745
Các khách hàng khác	999.184.024	439.623.220
Cộng	2.551.591.746	4.627.203.737

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	486.206.370	(62.660.580)	423.545.790	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	920.916.108	(920.916.108)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	149.465.046	(149.465.046)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	655.571.022	-	1.106.436.718	(506.912.429)	1.255.095.311	-
Thuế thu nhập cá nhân	89.802.460	-	824.434.575	(89.802.460)	824.434.575	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	63.922.181	(63.922.181)	-	-
Cộng	745.373.482	-	3.554.380.998	(1.796.678.804)	2.503.075.676	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dược phẩm 05 %
- Hoạt động khác 10 %

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 154/CN-KCN-HCM ngày 09 tháng 8 năm 2001 và Giấy chứng nhận đầu tư số 41221000113 ngày 28 tháng 4 năm 2008 do Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với dự án đầu tư giai đoạn 1: Công ty được miễn thuế 03 năm kể từ khi có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo, được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.
- Đối với dự án đầu tư giai đoạn 2 (hoàn thành và đưa vào sử dụng vào cuối năm 2008 và bắt đầu phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2009): Công ty được miễn thuế 03 năm (từ năm 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo, được hưởng thuế suất ưu đãi 15%.

Năm 2019, Công ty đã hết thời hạn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.986.201.968	3.983.879.830
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	656.866.638	2.979.678.518
- Các khoản điều chỉnh giảm	(95.447.160)	(2.567.248.625)
Thu nhập tính thuế	4.547.621.446	4.396.309.723
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	909.524.289	879.261.945
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	-	(136.610.206)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	-	(204.915.312)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	909.524.289	537.736.427
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	196.912.429	118.114.639
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.106.436.718	655.851.066

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả cho nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	192.863.076	183.262.748
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	179.175.560	95.447.160
Cộng	372.038.636	278.709.908

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan	2.104.081.246	2.748.291.847
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - phải trả về chương trình khuyến mãi	2.104.081.246	2.748.291.847
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	22.641.513.711	35.665.690.031
Tài sản thừa chờ giải quyết	292.334.804	292.334.804
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	820.207.054	581.568.526
Kinh phí công đoàn	990.324.514	870.458.110
Cổ tức phải trả	126.060.000	13.944.578.750
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.412.587.339	1.976.749.841
Cộng	24.745.594.957	38.413.981.878

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

315-C
 TY
 HỮU HẠ
 TƯ VẤN
 C
 ĐỒ CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****20a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	185.740.895.969	148.371.431.244
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ⁽ⁱ⁾	150.159.183.582	148.371.431.244
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn ⁽ⁱⁱ⁾	15.640.151.266	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.941.561.121	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	6.367.242.800	4.316.500.000
Cộng	<u>192.108.138.769</u>	<u>152.687.931.244</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	148.371.431.244	205.201.451.575	-	(167.831.986.850)	185.740.895.969
Vay dài hạn đến hạn trả	4.316.500.000	-	4.459.614.200	(2.408.871.400)	6.367.242.800
Cộng	<u>152.687.931.244</u>	<u>205.201.451.575</u>	<u>4.459.614.200</u>	<u>(170.240.858.250)</u>	<u>192.108.138.769</u>

20b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	13.287.914.020	11.870.564.300
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ⁽ⁱ⁾	10.906.885.800	11.870.564.300
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn ⁽ⁱⁱ⁾	2.381.028.220	-
Cộng	<u>13.287.914.020</u>	<u>11.870.564.300</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(i) Công ty vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương để mua máy móc thiết bị theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0110/HVU.DN17TH ngày 10/3/2017 với hạn mức vay là 9 tỷ VND, thời hạn trả là 05 năm kể từ giải ngân (30/3/2017) được chia làm 53 kỳ (mỗi kỳ là 01 tháng), kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 30/10/2017, lãi suất vay cố định là 8,4%/năm trong 02 năm đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm tiếp theo điều chỉnh theo thông báo lãi suất của ngân hàng được điều chỉnh 03 tháng/lần.
- Hợp đồng tín dụng số 0421/HVU.DN17TH ngày 31/10/2017 với hạn mức vay là 14 tỷ VND, thời hạn trả là 05 năm kể từ giải ngân (31/10/2017) được chia làm 18 kỳ (mỗi kỳ là 03 tháng), kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 31/8/2017, lãi suất vay cố định là 8,6%/năm trong 02 năm đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên, các năm tiếp theo điều chỉnh theo thông báo lãi suất của ngân hàng được điều chỉnh 03 tháng/lần.

Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình hình thành từ nguồn vốn vay (xem thuyết minh số V.11).

(ii) Công ty vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn để thực hiện giai đoạn 1 “Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng và máy móc thiết bị nhà xưởng sản xuất dược phẩm S.P.M” theo Hợp đồng tín dụng số 1150/2019/633243/HĐTD ngày 17/4/2019 với hạn mức vay là 11 tỷ VND, thời hạn trả là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên được chia làm 36 kỳ (mỗi kỳ là 01 tháng), kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/5/2019, kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 22/4/2022. Lãi suất vay cố định là 9%/năm đến hết ngày 31/3/2020, các kỳ tiếp theo điều chỉnh theo thông báo lãi suất của ngân hàng được điều chỉnh 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (xem thuyết minh số V.11).

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	6.367.242.800	4.316.500.000
Trên 01 năm đến 05 năm	13.287.914.020	11.870.564.300
Cộng	19.655.156.820	16.187.064.300

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	11.870.564.300	4.696.360.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	5.983.213.920	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(106.250.000)	-
Kết chuyển sang vay nợ ngắn hạn	(4.459.614.200)	(728.140.000)
Số cuối kỳ	13.287.914.020	3.968.220.000

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	410.475.146.921	751.324.145.421
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	3.220.727.228	3.220.727.228
Trích cổ tức phải trả các năm trước do năm trước hoàn thừa cổ tức	-	-	-	(59.360.000)	(59.360.000)
Số dư cuối kỳ trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	413.636.514.149	754.485.512.649
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	407.424.390.181	748.273.388.681
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	2.874.936.365	2.874.936.365
Số dư cuối kỳ này	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	410.299.326.546	751.148.325.046

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Đào Hữu Hoàng	61.981.200.000	61.981.200.000
Ông Đặng Ngọc Hồ	14.352.100.000	14.352.100.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	10.415.000.000	10.415.000.000
Bà Đỗ Thị Mai	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	40.951.700.000	40.951.700.000
Cộng	137.700.000.000	137.700.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	230.000	230.000
- Cổ phiếu phổ thông	230.000	230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền của Công ty gồm 1.584,85 USD (số đầu năm là 5.574,86 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	116.488.634.843	64.862.935.207
Doanh thu bán thành phẩm	139.743.658.700	141.963.605.798
Doanh thu cho thuê tài sản	872.727.270	872.727.270
Cộng	257.105.020.813	207.699.268.275

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành với số tiền là 191.941.731.306 VND (cùng kỳ năm trước là 137.509.113.043 VND).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	441.043.114	1.009.070.393
Hàng bán bị trả lại	226.714.081	25.482.480.257
Giảm giá hàng bán	30.591.785.386	68.867.709
Cộng	31.259.542.581	26.560.418.359

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	116.044.486.476	62.590.190.217
Giá vốn của thành phẩm đã bán	62.300.378.748	72.505.017.400
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	70.987.830	(833.462.752)
Cộng	178.415.853.054	134.261.744.865

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.782.481	1.762.374
Lãi tiền cho vay	-	1.201.767.151
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	23.193.429	5.166.100
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	17.808.702
Cộng	24.975.910	1.226.504.327

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.730.800.309	4.314.038.319
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	31.971.096	186.928.415
Cộng	5.762.771.405	4.500.966.734

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	924.591.770	532.990.572
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	17.521.212	-
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, tiếp thị	21.370.822.948	24.624.978.137
Các chi phí khác	420.759.589	335.209.726
Cộng	22.733.695.519	25.493.178.435

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.151.704.325	2.304.392.296
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	825.692.853	1.598.621.212
Chi phí khấu hao tài sản cố định	402.348.444	409.286.120
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	9.115.000.000	6.301.404.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	598.722.543	1.074.285.298
Các chi phí khác	700.231.573	2.454.566.804
Cộng	14.796.699.738	14.145.556.426

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công nợ phải trả được giảm	-	443.795.625
Thu nhập khác	919.904	976.408
Cộng	919.904	444.772.033

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	148.502.257	100.784.593
Chi phí khác	27.650.105	324.015.393
Cộng	176.152.362	424.799.986

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10.a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.874.936.365	3.220.727.228
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu	2.874.936.365	3.220.727.228
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.770.000	13.770.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	209	234

10.b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	46.568.556.219	51.461.220.267
Chi phí nhân công	13.302.251.458	8.265.461.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.383.993.451	6.555.226.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.863.283.515	28.505.941.038
Chi phí khác	10.610.742.943	11.057.634.519
Cộng	100.728.827.586	105.845.483.856

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ trả trước liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định là 11.150.539.705 VND (số đầu năm là 7.483.543.195 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ có các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi cho vay	-	1.201.767.151

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.5a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 996.182.500 VND (cùng kỳ năm trước là 961.769.243 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành – Chủ đầu tư của Công ty này có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành như đã trình bày tại thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành như:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua tài sản cố định	-	270.116.160
Mua nguyên liệu, hàng hóa	1.868.007.000	1.933.606.500
Chiết khấu bán hàng, khuyến mãi và dịch vụ khác	2.192.181.930	1.692.211.798

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.5b và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm: sản xuất thuốc và các thực phẩm chức năng, bán sản phẩm trong nước thông qua đại lý phân phối độc quyền và trực tiếp xuất khẩu sản phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa dược phẩm: mua bán thuốc nhập khẩu từ nước ngoài.
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: cho thuê nhà kho.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam và các nước Myanmar, Hàn Quốc, Lào.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Việt Nam	211.632.042.863	169.538.569.791
Myanmar	12.777.578.092	11.078.154.175
Hàn Quốc	1.150.260.451	-
Lào	-	269.973.000
Cambodia	285.596.826	252.152.950
Cộng	225.845.478.232	181.138.849.916

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019



Võ Thành Nhân
Người lập biểu



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỹ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	108.710.830.200	116.261.920.762	872.727.270	-	225.845.478.232
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	108.710.830.200	116.261.920.762	872.727.270	-	225.845.478.232
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.396.588.286	(11.485.536.824)	784.878.196	-	24.695.929.659
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(14.796.699.738)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					9.899.229.921
Doanh thu hoạt động tài chính					24.975.910
Chi phí tài chính					(5.762.771.405)
Thu nhập khác					919.904
Chi phí khác					(176.152.362)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.106.436.718)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(4.828.885)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					2.874.936.365
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.076.090.570	-	-	-	5.076.090.570
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.775.144.620	-	-	-	8.775.144.620
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	70.987.830	-	9.115.000.000	-	9.185.987.830

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	117.471.372.109	62.794.750.537	872.727.270	-	181.138.849.916
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	117.471.372.109	62.794.750.537	872.727.270	-	181.138.849.916
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	29.267.093.247	(8.633.067.726)	749.901.095	-	21.383.926.616
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(14.145.556.426)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					7.238.370.190
Doanh thu hoạt động tài chính					1.226.504.327
Chi phí tài chính					(4.500.966.734)
Thu nhập khác					444.772.033
Chi phí khác					(424.799.986)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(655.851.066)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(107.301.536)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					3.220.727.228
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.930.176.381	-	-	-	4.930.176.381
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.884.948.042	-	-	-	6.884.948.042
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	3.280.577.792	-	11.100.000.000	-	14.380.577.792



CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

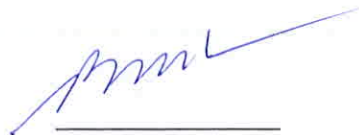
Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản và lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	875.886.492.597	-	35.000.000.000	-	910.886.492.597
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					95.248.659.378
Tổng tài sản					1.006.135.151.975
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	250.689.464.427	-	-	-	250.689.464.427
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					4.297.362.502
Tổng nợ phải trả					254.986.826.929
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	824.767.571.259	-	35.000.000.000	-	859.767.571.259
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					113.113.318.498
Tổng tài sản					972.880.889.757
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	220.688.554.368	-	-	-	220.688.554.368
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					3.918.946.708
Tổng nợ phải trả					224.607.501.076



Võ Thành Nhân
Người lập



Bùi Công Sơn
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Nguyễn Thế Kỳ
Tổng Giám đốc